

Số: /GPMT-UBND Quảng Trị, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty cổ phần Tổng công ty Sông Gianh số 192/CV-SOGICO ngày 28/8/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 307/TTr-SNNMT ngày 12/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần Tổng công ty Sông Gianh, địa chỉ tại 169 Đào Duy Từ, phường Bắc Gianh, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở: Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ, phân bón NPK, phân bón lá Sông Gianh tại Quảng Trị với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ, phân bón NPK, phân bón lá Sông Gianh tại Quảng Trị.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Hải Lăng, Diên Sanh, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số 3100126555 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị cấp, đăng ký lần đầu ngày 07/02/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 28/07/2025.

1.4. Mã số thuế: 3100126555.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất phân bón hóa học.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Diện tích sử dụng đất: 36.088 m² gồm:

+ Các hạng mục công trình chính: Nhà xưởng: 4.610 m²; Nhà kho nguyên liệu, sản phẩm: 2.000 m²; Sân phơi nguyên liệu: 1.800 m²; Bãi chứa nguyên liệu 1.620 m².

+ Các hạng mục công trình phụ trợ với tổng diện tích: 17.944,48 m².

+ Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống xử lý nước thải: 28m²; Các nhà vệ sinh: 29 m²; Cây xanh: 8.000 m²; Kho chứa chất thải rắn và chất thải nguy hại: 45 m²; Hệ thống xử lý khí thải: 11,52 m².

- Nhóm Dự án: C (phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương như Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

- Công suất: 24.500 tấn sản phẩm/năm. trong đó: Phân vi sinh: 10.000 tấn/năm; Phân vi sinh khoáng: 5.000 tấn/năm; Phân NPK: 9.000 tấn/năm; Phân bón lá dạng bột: 200 tấn/năm; Phân bón lá dạng nước: 300 tấn/năm.

- Tóm tắt Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Phân bón hữu cơ vi sinh và vi sinh khoáng: Nguyên liệu → nghiền → sàng phân loại → phối trộn → ủ lên men → nghiền → vo viên → đóng bao thành phẩm.

+ Phân bón NPK: Nguyên liệu → nghiền sàng → phối trộn → vo viên → sấy → làm nguội → sàng tuyển → đóng bao thành phẩm.

+ Phân bón lá dạng bột: Nguyên liệu → nghiền mịn → phối trộn → bồn chứa liệu → đóng gói thành phẩm.

+ Phân bón lá dạng nước: Nguyên liệu → đánh tan → đồng hóa dung dịch → trung hòa pH → kiểm tra → đóng gói thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về BVMT kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Tổng công ty Sông Gianh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần Tổng công ty Sông Gianh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh Hoàng Nam;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chánh VP, PCVP Nguyễn Cửu;
- UBND xã Hải Lăng;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT (Thu).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Nam

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Cơ sở: Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ, phân bón NPK, phân bón lá Sông Gianh tại Quảng Trị

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 1: Nước thải từ khu nhà vệ sinh của công nhân (bao gồm công nhân khai thác mỏ than bùn).

- Nguồn số 2: Nước thải từ khu vệ sinh nhà văn phòng của cơ sở.

- Nguồn số 3: Nước thải từ khu nhà ăn của cơ sở.

Nước thải từ quá trình sản xuất của cơ sở phát sinh với lưu lượng 04 m³/ngày.đêm được Chủ Cơ sở cam kết tuần hoàn tái sử dụng, không xả thải ra môi trường.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải**

- Dòng thải số 01 (Nguồn số 1,3): Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh công nhân được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn thể tích 40m³, sau đó theo đường ống uPVC D110 dẫn vào bể lắng lọc 2 ngăn thể tích 3 m³ đặt sau khu nhà vệ sinh công nhân để xử lý triệt để chất ô nhiễm trước khi xả ngầm ra môi trường. Nước thải từ khu nhà ăn được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ sau đó theo đường ống uPVC D110 dẫn vào bể lắng lọc 2 ngăn thể tích 3m³ để lý triệt để chất ô nhiễm trước khi xả ngầm ra môi trường.

- Dòng thải số 02 (Nguồn số 2): Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh văn phòng được thu gom xử lý bằng bể tự hoại cải tiến 05 ngăn thể tích 7m³ sau đó xả ngầm ra môi trường.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: Hệ thống thoát nước trong khuôn viên của Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ, phân bón NPK, phân bón lá Sông Gianh tại xã Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

- Tọa độ vị trí xả nước thải:

+ Dòng số 01: Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải khu vệ sinh công nhân: X(m) = 1.849.003; Y(m) = 605.793.

+ Dòng số 02: Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải khu vệ sinh văn phòng: X(m) = 1.849.017; Y(m) = 605.844.

(Hệ Tọa độ VN2000, KTT 160⁰15', múi chiếu 3⁰)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất

- Dòng số 1: 2,7 m³/ngày.đêm.

- Dòng số 2: 0,72 m³/ngày.đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy, xả ngầm.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục trong ngày.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K=1,2), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH		5,5 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12		
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	6.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước mưa, nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

a. Đối với nước thải sinh hoạt:

- Nhà vệ sinh công nhân:

+ Nước thải đen được thu gom bằng ống uPVC D110 dẫn về bể tự hoại 3 ngăn thể tích 40m³ để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống uPVC D110 với chiều dài khoảng 0,5m dẫn vào bể lắng lọc 2 ngăn thể tích 3 m³ đặt sau khu nhà vệ sinh công nhân để xử lý triệt để chất ô nhiễm trước khi xả ngầm ra môi trường.

+ Nước thải xám sẽ được dẫn theo đường ống uPVC D110 dẫn sang bể lắng lọc 2 ngăn thể tích 3 m³ để xử lý trước khi xả ngầm ra môi trường.

- Nhà vệ sinh khu vực nhà văn phòng:

+ Nước thải đen được thu gom bằng ống uPVC D110 về bể tự hoại cải tiến 05 ngăn thể tích 7m³ để xử lý sau đó xả ngầm ra môi trường.

+ Nước thải xám từ nhà vệ sinh văn phòng được chứa hố ga thể tích 0,125m³ sau bể tự hoại để lắng cặn trước khi xả ngầm ra môi trường.

- Nhà vệ sinh khu vực Nhà ăn: Nước thải từ khu nhà ăn được thu gom bằng đường ống HDPE D90 bể tách dầu mỡ cấu tạo 3 ngăn đặt tại nhà bếp để xử lý, sau đó theo đường ống uPVC D110 với chiều dài khoảng 15m dẫn vào bể lắng lọc 2 ngăn thể tích 3m³ để xử lý triệt để chất ô nhiễm trước khi xả ngầm ra môi trường.

b. Nước thải sản xuất:

Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh máy móc, thùng trộn tại dây chuyền sản xuất phân bón lá dạng nước, làm mát máy móc và nước thải từ hệ thống xử lý khí thải được thu gom, sử dụng bơm hút nước dẫn về bể chứa hòa trộn men vi sinh bằng đường ống nước mềm D60 chiều dài khoảng 70m, sau đó được sử dụng cho công đoạn phun ủ lên men tại dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh. Toàn bộ nước thải từ quá trình sản xuất được tuần hoàn tái sử dụng, phần nước thất thoát được bổ sung định kỳ nên không phát sinh nước thải ra ngoài môi trường.

c. Nước mưa chảy tràn khu vực bãi chứa nguyên liệu, sân phơi ngoài trời:

- Cơ sở xây dựng hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn bằng rãnh thu kích thước 0,6 x 1m bao quanh khu vực với tổng chiều dài khoảng 247m về hệ thống thoát nước mưa của cơ sở, sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của xã trên tuyến đường phía Đông Nam Nhà máy. Từ đây, nước mưa chảy tràn thoát theo địa hình về Bàu Trầm.

- Trên hệ thống mương dẫn có bố trí 06 hố ga thu nước, kích thước mỗi hố ga: (0,8 x 1 x 1,2) m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

- Nhà vệ sinh công nhân:

+ Nước thải đen được dẫn về bể tự hoại 3 ngăn thể tích 40m^3 để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn vào bể lắng lọc 2 ngăn thể tích 3m^3 đặt sau khu nhà vệ sinh công nhân để xử lý triệt để chất ô nhiễm trước khi xả ngầm ra môi trường.

+ Nước thải xám sẽ được dẫn sang bể lắng lọc 2 ngăn thể tích 3m^3 để xử lý trước khi xả ngầm ra môi trường.

- Nhà vệ sinh khu vực nhà văn phòng:

+ Nước thải đen được dẫn về bể tự hoại cải tiến 05 ngăn thể tích 7m^3 để xử lý sau đó xả ngầm ra môi trường.

+ Nước thải xám từ nhà vệ sinh văn phòng được chứa hố ga thể tích $0,125\text{m}^3$ sau bể tự hoại để lắng cặn trước khi xả ngầm ra môi trường.

- Nhà vệ sinh khu vực Nhà ăn: Nước thải từ khu nhà ăn được thu gom về bể tách dầu mỡ cấu tạo 3 ngăn đặt tại nhà bếp để xử lý, sau đó dẫn vào bể lắng lọc 2 ngăn thể tích 3m^3 để xử lý triệt để chất ô nhiễm trước khi xả ngầm ra môi trường.

1.2.2. Nước mưa chảy tràn qua bãi chứa nguyên liệu, sân phơi ngoài trời:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → rãnh thu kích thước $0,6 \times 1(\text{m})$ → hố ga lắng cặn (06 hố, kích thước $0,8 \times 1 \times 1,2(\text{m})/\text{hố}$) → hệ thống thoát nước mưa chung của xã → Bàu Trầm thuộc xã Diên Sanh.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án có tổng lượng nước thải phát sinh là $3,12\text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm nên không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo vận hành theo đúng quy trình đã được cấp phép; theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

- Thường xuyên quan sát, tu sửa, gia cố bảo dưỡng hệ thống xử lý, nạo vét cặn lắng từ mương, rãnh thoát nước.

- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý khi cần thiết nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý và nhằm phát hiện các sự cố để kịp thời điều chỉnh.

- Chuẩn bị lực lượng, cơ sở vật chất, thiết bị để phối hợp với các ban ngành liên quan khác ứng phó, khắc phục sự cố xảy ra. Nếu có sự cố xảy ra, phải nhanh chóng khắc phục sự cố và báo cáo cho chính quyền địa phương biết, xử lý kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không có công trình xử lý nước thải thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm tại khoản 1, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ các hoạt động của Cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả ngấm ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất (nếu có) để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải. Đầu tư các hạng mục bổ sung nếu quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải không đạt quy chuẩn như đã cam kết.

3.3. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, nước thải đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

Cơ sở: Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ, phân bón NPK,
phân bón lá Sông Gianh tại Quảng Trị

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải từ công đoạn sấy trong quá trình sản xuất phân bón NPK.

- Nguồn số 02: Bụi từ công đoạn làm nguội trong dây chuyền sản xuất phân bón NPK.

- Nguồn số 03: Bụi từ công đoạn nghiền của dây chuyền sản xuất phân bón NPK, phân bón lá dạng bột. Nguồn này được thu gom, xử lý qua cyclone và hệ thống lọc bụi tay áo, được hồi lưu và đưa vào buồng trộn tái sản xuất, đây là nguồn thải diện nên không đưa vào dòng thải cấp phép.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải:

Dòng thải số 01 (Nguồn số 01, 02): Bụi, khí thải từ lò sấy trong dây chuyền sản xuất phân bón NPK được thu gom, xử lý và xả thải theo ống khói theo ống khói cao 12,5m thoát ra môi trường.

2.2. Vị trí xả khí thải:

- Vị trí xả khí thải: Ống khói cao 12,5m tại Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ, phân bón NPK, phân bón lá Sông Gianh tại xã Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

- Tọa độ vị trí xả thải: $X(m) = 1.849.107$; $Y(m) = 605.794$ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $10.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.3.1. Phương thức xả khí thải: Cường bức, xả liên tục trong thời gian sản xuất.

2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Khí thải phải được xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, $K_p = 1$, $K_v = 1,2$) và QCVN 21:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học (Cột B, $K_p = 1$, $K_v = 1,2$).

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng thải	m ³ /giờ	-	Không áp dụng	Không áp dụng
2	Nhiệt độ	°C	-		
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	240		
4	NH ₃	mg/Nm ³	60		
5	CO	mg/Nm ³	1.200		
6	SO ₂	mg/Nm ³	600		
7	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	1.020		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải từ lò sấy và công đoạn sấy dây chuyền sản xuất phân bón NPK được thu gom bằng ống Φ500 với tổng chiều dài khoảng 18m dẫn về cyclone để lắng bụi sau đó dẫn về hệ thống xử lý khí thải để xử lý đạt quy chuẩn trước khi thoát ra môi trường.

- Bụi từ công đoạn làm nguội trong dây chuyền sản xuất phân bón NPK được thu gom bằng ống Φ500 với tổng chiều dài khoảng 22m dẫn về cyclone để lắng bụi sau đó dẫn về hệ thống xử lý khí thải để xử lý đạt quy chuẩn trước khi thoát ra môi trường

- Bụi từ dây chuyền sản xuất phân bón NPK và phân bón lá dạng bột: Do quá trình nghiền của dây chuyền sản xuất phân bón lá dạng bột được sử dụng chung với dây chuyền sản xuất phân bón NPK nên bụi phát sinh từ quá trình này được thu gom bằng ống Φ400 với tổng chiều dài khoảng 7m dẫn vào 01 cyclone lắng bụi. Phần bụi mịn được dẫn về hệ thống lọc bụi tay áo sau đó được hồi lưu đưa vào buồng trộn để tái sản xuất.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

** Bụi, khí thải từ dây chuyền sản xuất phân bón NPK:*

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Bụi, khí thải lò sấy → Hệ thống xyclon lọc bụi → Tháp xử lý khí thải ướt (Sử dụng dung dịch nước vôi) → Quạt hút → Ống khói cao 12,5m → Môi trường tiếp nhận.

+ Nước từ hệ thống xử lý khí thải → Bể chứa 2 ngăn (thể tích 12m³) gồm 01 ngăn lắng cặn, 01 ngăn chứa nước để tuần hoàn tái sử dụng.

- Công suất thiết kế: Chủ cơ sở đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải với công suất 10.000 m³/h.

- Thông số thiết bị hệ thống xử lý khí thải:

TT	Thiết bị xử lý bụi	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Cyclone lọc bụi chùm	02 cái	- Chiều cao: H = 3,5m - Đường kính cyclone: D = 1,2m; - Vật liệu chế tạo: Thép.
2	Quạt hút	02 cái	- Lưu lượng: 10.000m ³ /h (mỗi quạt 5.000m ³ /h) - Vật liệu guồng, vỏ: Thép.
3	Tháp hấp thụ	01 cái	- Chiều cao: H = 6,0m - Đường kính: 1,4m - Vật liệu chế tạo: Thép
4	Bể chứa dung dịch tuần hoàn (bể lắng)	01 bể	- Thể tích: 12 m ³ - Vật liệu: Bê tông cốt thép.
5	Ống khói	1 ống	- Chiều cao: 12,5m - Vật liệu chế tạo: Thép.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Vôi (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3 Phần A của Phụ lục này)..

** Bụi từ dây chuyền sản xuất phân bón lá dạng bột:*

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Bụi từ công đoạn nghiền của dây chuyền sản xuất phân bón NPK, phân bón lá dạng bột → 01 cyclone lọc bụi → Lọc bụi tay áo → Môi trường tiếp nhận.

+ Bụi dính bám trên bề mặt vải lọc, có van giữ bụi rơi xuống phễu thu, lượng bụi thu được sẽ được thu hồi đưa vào buồng trộn để tái sản xuất.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không có.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Cơ sở có tổng lưu lượng khí thải phát sinh là 10.000 m³/h nên không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật, hướng dẫn của nhà cung cấp;

- Tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc theo đúng định kỳ, hướng dẫn của nhà cung cấp;

- Có cán bộ, công nhân thường xuyên theo dõi hệ thống để kịp thời phát hiện các sự cố xảy ra như: hỏng hóc máy móc, khí thải xử lý chưa đảm bảo chất lượng theo yêu cầu...; bố trí nhân viên kiểm tra hệ thống xử lý khí thải, đường ống dẫn khí tại mỗi ca làm việc;

Khi có sự cố về hệ thống xử lý khí thải, tạm thời dừng hệ thống và dừng các hoạt động sản xuất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

- Thời gian bắt đầu sau khi được cấp giấy phép môi trường và kết thúc trong vòng 6 tháng kể từ ngày cấp phép.

- Trước khi vận hành thử nghiệm, trước 10 ngày có kế hoạch gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, giám sát, kiểm tra theo đúng quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý khí thải lò sấy.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống khói của hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.3. Tần suất quan trắc: Tần suất quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức, nếu có một trong những thông số xả khí thải vượt QCVN về khí thải, nhà máy thực hiện các biện pháp giảm thiểu bổ sung để xử lý khí thải lò sấy đảm bảo quy chuẩn xả thải trước khi thải ra môi trường. Đồng thời, quan trắc môi trường bổ sung để đánh giá mức độ phát tán mùi hôi ra môi trường xung quanh.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất (nếu có) để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Cơ sở: Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ, phân bón NPK,
phân bón lá Sông Gianh tại Quảng Trị

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh từ dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh từ dây chuyền sản xuất phân bón NPK.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn phát sinh từ dây chuyền sản xuất phân bón lá.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khu vực nhà xưởng sản xuất.
- Tọa độ vị trí: X: 1.849.103m; Y: 605.827m

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $106^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

- Bên trong nhà xưởng sản xuất: Tiếng ồn và độ rung sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu đạt QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc. Mức độ giới hạn cho phép như sau:

Thông số	Đơn vị	Tiếp xúc 1h	Tiếp xúc 4h	Áp dụng theo quy chuẩn	Tần suất quan trắc định kỳ
Độ ồn	dBA	94	88	QCVN 24/2016/BYT	Không áp dụng
Độ rung (Gia tốc rung)	(m/s ²)	3,9	2,0	QCVN 27/2016/BYT	

- Khu vực bên ngoài nhà xưởng: Tiếng ồn và độ rung sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu đạt QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (tại khu vực thông thường từ 6 - 21 giờ). Mức độ giới hạn cho phép như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Quy chuẩn áp dụng	Tần suất quan trắc
1	Độ ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT	Không áp dụng
2	Độ rung	m/s ²	70	60	QCVN 27:2010/ BTNMT	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lựa chọn các thiết bị máy móc có độ ồn thấp, không sử dụng các máy móc quá cũ, lạc hậu.

- Trong quá trình sử dụng sẽ thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (như bôi dầu mỡ, kiểm tra các kết cấu truyền động...) để máy móc hoạt động tình trạng tốt nhất.

- Đối với khu vực bố trí các dây chuyền sản xuất là nơi phát sinh độ ồn cao sẽ được đổ bê tông đáy, các máy móc này được cân chỉnh, cố định bằng các bộ móng hạn chế rung động.

- Sử dụng máy móc, thiết bị đúng công suất, không vận hành thiết bị khi quá tải.

- Công nhân làm việc trong nhà máy được trang bị các thiết bị chống ồn. Vận hành sản xuất đúng thời gian quy định, bố trí thời gian làm việc hợp lý cho các công nhân làm việc trong các khu vực có tiếng ồn cao và có chế độ khám sức khỏe định kỳ 1 năm/lần theo quy định, nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho công nhân.

- Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực Nhà máy.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực sản xuất, nhà xưởng, sân bãi đảm bảo tỷ lệ theo quy định nhằm hạn chế tiếng ồn phát ra ngoài.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

2.2. Chịu trách nhiệm chính trong quản lý các nguồn tiếng ồn, độ rung trong phạm vi Nhà máy.

2.3. Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và QCVN 24:2016/BYT, 27:2016/BYT.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
Cơ sở: Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ, phân bón NPK,
phân bón lá Sông Gianh tại Quảng Trị

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Chủng loại	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	Rắn	120
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	6
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	6
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	Rắn	60
5	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	16 01 13	Rắn	10
6	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	Lỏng	20
	Tổng cộng (làm tròn)			222

- Tổng lượng chất thải nguy hại của Nhà máy khoảng 222 kg/năm.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Tro, gỗ tạp, xỉ than đáy, bao bì phế thải	Rắn	9.000
2	Bùn cặn từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	1000

- Lượng phát sinh chất thải rắn sản xuất của Cơ sở khoảng 10.000 kg/năm (tương đương 834 kg/tháng).

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Khối lượng: tối đa khoảng 1000kg/năm (tương đương 83 kg/tháng)
- Chủng loại: Chủ yếu là thực phẩm (vỏ rau, củ quả...), thức ăn dư thừa, túi nilon, chai lọ, giấy lau.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại của Cơ sở sẽ được thu gom theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, 07/2025/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể:

- Chất thải nguy hại được thu gom vào 02 thùng rác loại 120 L, có dán nhãn và ghi rõ loại chất thải nguy hại cần lưu trữ, trên có nắp đậy kín.
- CTNH được lưu chứa trong kho chứa chất thải nguy hại nằm bên cạnh nhà vệ sinh công nhân với diện tích 5 m², bên ngoài kho chứa chất thải nguy hại bố trí 01 biển báo khu vực nguy hiểm không cho người ngoài ra vào khu vực.
- Chất thải nguy hại được Công ty hợp đồng với Đơn vị có chức năng có Giấy phép hành nghề thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.
- Tăng cường nhắc nhở cán bộ nhân viên của nhà máy thường xuyên vệ sinh, thu gom chất thải trong quá trình hoạt động, bảo dưỡng thiết bị, lưu tại khu vực kho chứa theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt

** Đối với chất thải rắn sinh hoạt:*

Cơ sở thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phù hợp với mục đích quản lý, xử lý, thành 04 nhóm như sau:

- Nhóm Chất thải tái chế (phế liệu): Tạp chí, báo, giấy, sách vở các loại; Vỏ hộp sữa, hộp giấy carton, thùng carton, hộp đựng trứng, khay đựng trứng; Đồ nhựa các loại (lon nước ngọt, xô, chậu, túi...); Đồ nhôm (lon bia, nồi, ấm...); Đồ thủy tinh (chai, lọ...); đồ kim loại (sắt, thép...); Nhóm cao su (vỏ xe, dép, sẫm, lốp...)... Phế liệu trong sinh hoạt, cơ sở bán cho các cá nhân, tổ chức thu mua phế liệu.

- Nhóm Chất thải hữu cơ dễ phân hủy: Thức ăn thừa và các loại thực phẩm hết hạn sử dụng; các loại rau, củ, quả hư hỏng; cỏ, lá cây, hoa các loại; bã trà, bã cà phê; các loại vỏ, hạt trái cây; bã mía, xác mía...cho các hộ dân thu gom tái sử dụng làm thức ăn cho chăn nuôi hoặc tận dụng một phần vào sản xuất phân bón vi sinh và cam kết chỉ sử dụng với mục đích này không thải bỏ ra môi trường trái quy định của pháp luật.

- Nhóm Chất thải còn lại: Vỏ bao bì bánh, kẹo, giấy bạc; hạt hút ẩm; Đồ sành, sứ, gốm vỡ; túi nylon, giấy ăn đã sử dụng; vải, sợi cũ rách, khăn cũ; đầu lọc thuốc lá; tóc, lông động vật, đất, cát; dao, lưỡi lam, kéo; vỏ sò, vỏ hến, vỏ trứng; trấu thải, tro, than băng vệ sinh...

- Đối với Nhóm chất thải sinh hoạt nguy hại: pin đã qua sử dụng, bóng đèn huỳnh quang, vỏ chai lọ đựng hóa chất nguy hại, chất thải điện tử...phân loại thu gom như chất thải nguy hại khác hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Trang bị 5 thùng chứa rác dung tích 120 lít đặt tại văn phòng, nhà nghỉ ca, các hành lang của khu hành chính, nhà xưởng để thu gom rác thải phát sinh. Vận chuyển về kho chứa Chất thải sinh hoạt kích thước khoảng 20 m² là một phòng trong khu nhà văn phòng của cơ sở rồi hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo quy định.

- Thành lập tổ công nhân vệ sinh từ công nhân của Công ty để quét dọn vệ sinh sân đường, tưới cây, thu dọn chất thải phát sinh vào đúng nơi quy định.

- Bùn tại bể tự hoại sẽ thuê đơn vị có chức năng định kỳ 12 tháng hút 1 lần vận chuyển đi xử lý.

- Ban hành nội quy về vệ sinh môi trường trong khu vực Cơ sở và thường xuyên tuyên truyền, nhắc nhở cán bộ, công nhân thực hiện; lắp đặt biển báo nhắc nhở mọi người có ý thức trong việc bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh chung và bỏ rác đúng nơi quy định.

** Đối với chất thải công nghiệp thông thường :*

- Chất thải rắn phát sinh chủ yếu sẽ được tận dụng để sản xuất phân vi sinh.

- Các chất thải có khả năng tái sử dụng như bao bì thì định kỳ hàng tuần bán cho đơn vị thu gom tái chế, tái sử dụng.

- Thu gom vào 02 thùng rác loại 240 L, có dán nhãn và ghi rõ loại chất thải rắn công nghiệp thông thường cần lưu trữ, trên có nắp đậy kín vận chuyển đến lưu trữ tại kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích khoảng 20 m² là một phòng trong khu nhà văn phòng của cơ sở. Hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa sự cố về điện

Hoạt động sản xuất của Nhà máy sử dụng điện với công suất lớn, do đó công tác bảo đảm an toàn về điện rất được chú trọng, Chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Lắp đặt hệ thống điện theo đúng quy trình kỹ thuật, phù hợp với mục đích và công suất sử dụng;

- Trang bị thiết bị điện đúng tiêu chuẩn chất lượng và hoạt động đúng công suất thiết kế;

- Đóng ngắt điện đúng quy trình;
- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng hệ thống điện, các phụ tải và hệ thống bảo vệ an toàn thiết bị điện;
- Xây dựng nội quy về an toàn sử dụng điện, phổ biến một số hiểu biết cơ bản về an toàn sử dụng điện cho cán bộ, nhân viên;
- Lắp đặt các biển cảnh báo, hướng dẫn và nhắc nhở mọi người sử dụng an toàn các thiết bị điện.
- Khi có sự cố xảy ra, Chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp khắc phục sự cố kịp thời báo cáo với Ban lãnh đạo công ty để kịp thời có biện pháp khắc phục

2. Phòng ngừa sự cố cháy nổ

- Cháy nổ có thể xảy ra với bất kỳ hoạt động nào tại cơ sở để phòng tránh sự cố cháy nổ, tiến hành thực hiện một số biện pháp sau:
 - Công trình xây dựng và các hạng mục kỹ thuật chống sét theo đúng yêu cầu và quy định của các cơ quan quản lý chức năng.
 - Đường nội bộ đến được tất cả các vị trí nhỏ nhất trong từng khu vực đảm bảo tia nước phun từ vòi rồng của xe cứu hỏa có thể khống chế được lửa phát sinh ở bất kỳ vị trí nào trong các kho. Kho cũng được bố trí cửa thông gió và tường cách ly để tránh tình trạng cháy lan theo tường hoặc theo mái.
 - Trong khu vực sản xuất, kho chứa nhiên liệu, sản phẩm được lắp đặt hệ thống báo cháy. Các phương tiện phòng chống cháy luôn được kiểm tra thường xuyên và tình trạng sẵn sàng.
 - Sắp xếp bố trí các máy móc thiết bị đảm bảo theo hệ thống sản xuất liên tục một chiều và đảm bảo khoảng cách an toàn.
 - Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng kho và các thiết bị, cơ sở không sử dụng hóa chất trong sản xuất; không lưu trữ, bảo quản hóa chất trong kho. Đảm bảo tuân thủ khoảng cách an toàn theo đúng qui định của pháp luật.
 - Các thiết bị điện phải tính toán dây dẫn tiết diện hợp lý với cường độ dòng, phải có thiết bị bảo vệ quá tải. Dây điện thiết kế đi ngầm hoặc được bao bọc bảo vệ kỹ trong hệ thống.
 - Các motor điện đều phải có hộp che chắn bảo vệ, bảo đảm không cho bụi, giấy rơi vào.
 - Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường dây điện, hộp cầu dao phải kín, cầu dao tiếp điện tốt.
 - Lắp đặt hệ thống chống sét đánh thẳng.
 - Quy định cấm công nhân hút thuốc lá trong khu vực sản xuất, kho chứa nhiên liệu và các khu vực khác.
 - Tất cả các hạng mục công trình trong cơ sở đều được bố trí các vật liệu cứu hỏa, bao gồm bình CO₂, dụng cụ dập lửa và các vật liệu khác như cát, thang chữa

cháy. Những vật liệu này được đặt tại các vị trí thích hợp nhất để tiện việc sử dụng và thường xuyên tiến hành kiểm tra sự hoạt động tốt của bình CO₂.

- Đảm bảo các trang thiết bị, máy móc không để rò rỉ dầu mỡ.

- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho công nhân viên về phòng cháy chữa cháy, Hàng năm phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức huấn luyện cho toàn thể cán bộ công nhân viên về phòng cháy chữa cháy. Hàng năm, đơn vị đều tổ chức thực tập phương án phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn đã được phê duyệt theo đúng quy định của cơ quan chức năng.

3. An toàn lao động, giao thông

** Triển khai cho tất cả nhân viên về nội dung quy tắc an toàn như sau:*

- Công nhân mới trước khi vào công đoạn sản xuất bắt buộc phải qua đào tạo qua lớp sản xuất an toàn, quy trình vận hành máy, sau khi kiểm tra đủ tiêu chuẩn thì mới có thể thao tác độc lập.

- Mỗi tháng tổ chức kiểm tra ít nhất 1 lần kiến thức an toàn và sản xuất an toàn đối với công nhân.

- Khi đi làm phải mặc quần áo lao động, đeo đội đầy đủ các dụng cụ an toàn, không được đi dép lê khi đi làm, không được để cho trẻ con vào cơ sở. Định kỳ 06 tháng phát hộ lao động cho công nhân một lần.

- Tất cả động cơ trong cơ sở cần phải nối đường dây tiếp đất.

- Nghiêm chỉnh tuân theo quy trình thao tác để tiến hành thao tác, dựa theo trình tự mở dừng máy để tiến hành mở máy và dừng máy.

- Làm tốt công tác sửa chữa bảo dưỡng thiết bị, luôn giữ cho thiết bị tại nơi làm việc luôn được gọn gàng sạch sẽ.

** Lập các bảng nội quy, quy định thực hiện công việc trong phân xưởng*

Đề ra nội quy hoạt động chi tiết cho từng bộ phận trong nhà xưởng. Từng thao tác, công việc của từng vị trí trong dây chuyền sản xuất được qui định và bắt buộc tuân thủ, cụ thể

** Kho chứa nguyên liệu và sản phẩm:*

Phân công cán bộ quản lý kho có chuyên môn và được trang bị những kiến thức, những qui định về hệ thống kho lưu trữ đối với phân bón như:

- Kỹ thuật xếp hàng hóa, nhập kho và xuất kho;

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy, biển hiệu cấm;

- Kiểm tra số lượng hàng trong kho;

- Quản lý và lưu trữ thông tin về thành phần số lượng nhập nguyên liệu, vi sinh và sản phẩm xuất bản.

** Bộ phận công nhân xưởng:*

- Tuyển chọn công nhân nằm trong độ tuổi lao động qui định theo Luật lao động, ưu tiên chọn công nhân nam;

- Công nhân sẽ được huấn luyện về mặt chuyên môn, về nguyên tắc an toàn hóa chất, an toàn lao động.

- Công nhân nghiêm chỉnh chấp hành kỷ luật lao động, thao tác kỹ thuật, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước mọi sự cố xảy ra;

- Quản đốc phân xưởng phân công công việc cho công nhân trên bảng phân công, ghi rõ ràng công việc cụ thể cho từng người.

** Trang bị các thiết bị bảo hộ lao động:*

Chủ cơ sở sẽ đầu tư trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động cho từng công nhân cũng như các thiết bị an toàn khác như: kính phòng hộ, khẩu trang, găng tay, ủng, áo... Định kỳ hàng tháng kiểm tra và thay thế các thiết bị, bảo hộ lao động cho công nhân.

Chủ cơ sở lắp đặt buồng đốt bảo ôn cách nhiệt giảm thiểu lượng nhiệt của lò sấy.

** Các biện pháp bồi dưỡng sức khỏe, chăm sóc y tế*

- Nhằm giữ gìn sức khỏe công nhân, bên cạnh các quy định chặt chẽ về an toàn lao động, cần thực hiện các biện pháp chăm sóc y tế như sau:

- Thời gian làm việc hợp lý và đảm bảo theo quy định;

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 năm/lần cho toàn bộ công nhân nhằm phát hiện các bệnh nghề nghiệp;

- Trang bị vòi rửa mắt nhằm xử lý các sự cố xảy ra.

** Giảm thiểu tai nạn giao thông*

Để giảm thiểu tai nạn giao thông trong khu vực cơ sở, chủ cơ sở xây dựng nội quy ra vào cổng, đảm bảo công tác điều tiết xe vận chuyển hợp lý.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Cơ sở: Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ, phân bón NPK,
phân bón lá Sông Gianh tại Quảng Trị

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

- Chủ đầu tư hoàn thiện lắp đặt dây chuyền sản xuất phân bón lá dạng nước và thực hiện đầy đủ các giải pháp môi trường tương ứng.

- Thực hiện hoàn thiện đầu tư nâng cấp Bể tự hoại 03 ngăn thành bể tự hoại cải tiến 05 ngăn tại Khu vệ sinh Nhà văn phòng đảm bảo xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả thải ra môi trường, thời gian hoàn thành trước ngày 31/12/2025.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tuân thủ thu gom, xử lý các nguồn nước thải nội bộ đảm bảo quy định; thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý nước mưa chảy tràn qua bãi nguyên liệu, đảm bảo không để nước mưa chảy tràn không được xử lý xả thải ra môi trường, ảnh hưởng đến người dân.

2. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Kho lưu giữ chất thải nguy hại phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định (trừ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu TT-R theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025).

3. Xử lý khí thải đảm bảo Quy chuẩn Việt Nam trước khi thải ra môi trường. Thực hiện các giải pháp bổ sung để hạn chế mùi hôi trong quá trình sản xuất, đảm bảo không ảnh hưởng đến người dân xung quanh khu vực và sức khỏe của người lao động trong dự án.

4. Thường xuyên thực hiện vệ sinh công nghiệp trong toàn bộ khuôn viên nhà máy trong suốt quá trình hoạt động.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và quản lý hóa chất theo quy định hiện hành.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bởi Thông tư 07/2025/TT-BTNMT gửi báo cáo trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

(Thông số kỹ thuật của các công trình bảo vệ môi trường nêu tại Phụ lục 1, 2 và 3 của Giấy phép này căn cứ vào hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và hồ sơ hoàn công công trình bảo vệ môi trường do Chủ cơ sở cung cấp; Chủ cơ sở tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông số này)./.